

TÍNH CÁCH VĂN HOÁ KOREA NHÌN TỪ VIỆT NAM

Trần Ngọc Thêm

**University of Social Sciences and Humanities,
Ho Chi Minh city**

I. TÍNH CÁCH NGƯỜI HÀN

Về người Hàn, đã có nhiều bài viết và sách của các tác giả nước ngoài và Korea. Ở Korea, đáng chú ý là các công trình của Choi Ch'oe Sok (1976), Jun Tae Rim (1964), Kim Jae Un (1992), Ko Yong Buk (2001)⁴... Các tác giả bàn về tính cách người Hàn thường đi theo hướng nêu lên một danh sách các ưu điểm và nhược điểm. Chẳng hạn, Ch'oe Nam Son (1946) nêu ra “tam ưu tứ khuyết” (삼우사결 = 三優四缺). Tam ưu là: 1) chủ nghĩa lạc quan; 2) tình yêu thuần khiết; 3) sự kiên trì, bền bỉ và dũng cảm. Còn tứ khuyết là: 1) chủ nghĩa hình thức thái quá; 2) chủ nghĩa bảo thủ suy thoái; 3) thiếu sự đoàn kết, thống nhất, hay sự sắp xếp tổ chức; 4) thiếu chính xác, và có khuynh hướng chấp vạ dãn xếp qua loa dễ dãi (Kim Jae Un 1992: 32-33). Trên cơ sở tổng hợp các tài liệu xưa nay, Ko Yong Buk trong cuốn “*Tính cách của người Hàn: bàn về sự cải cách*” (고영복. 한국인의 성격 - 그 변혁을 위한 과제. 사회문화소) xuất bản năm 2001 đã liệt kê ra 23 ưu điểm và 22 nhược điểm. Còn Pak Young Sun trong cuốn “*Luận Văn hoá Hàn Quốc*” (박영순. 한국문화론. 한국문화사) xuất bản năm 2002 (tr. 57-58, 68-69) thì nêu ra 28 đặc trưng tạo nên tính cách người Hàn.

⁴ Việc xử lý các tài liệu tiếng Hàn ở đây do SV Phan Thiện Đào Nguyên thực hiện trong khoá luận tốt nghiệp ngành Đông Phương học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh năm 2003 dưới sự hướng dẫn của chúng tôi.

Thực ra, văn hoá và tính cách của dân tộc luôn là một hệ thống, nó bị chi phối bởi những yếu tố khách quan và chủ quan thuộc môi trường tự nhiên và môi trường xã hội mà dân tộc đó tồn tại và trải qua. Theo chúng tôi, nguồn gốc của văn hoá Hàn chủ yếu được quy định bởi ba yếu tố.

Thứ nhất, xét về môi trường sống thì Korea ở vào một khu vực có khí hậu ôn đới với mùa đông lạnh giá, với địa hình tới 70% là núi đá, đất đai trồng trọt được rất ít và manh mún, trồng lúa nước được lại càng ít nữa, nói chung là một *môi trường sống khắc nghiệt*.

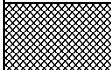
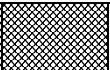
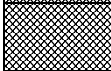
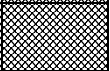
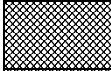
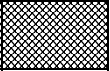
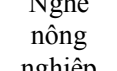
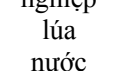
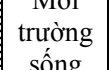
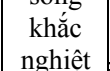
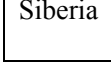
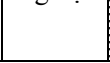
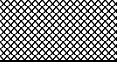
Thứ hai, xét về nguồn gốc dân tộc như một trong những nguồn gốc của tính cách thì tổ tiên người Hàn hiện đại là cư dân thuộc ngữ hệ Altai (cùng họ với các cư dân nói tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, Mông Cổ, Tungus), ít nhiều mang trong mình chất du mục của dân săn bắn và chăn nuôi Siberia, nói chung là mang nhiều *chất động* hơn là tĩnh.

Thứ ba, xét về loại hình kinh tế chủ yếu thì bắt đầu từ thời kỳ đồ đồng (khoảng từ TK 8 đến TK 4 trCN), *ngành nông nghiệp lúa nước* vốn bắt nguồn từ khu vực Đông Nam Á cổ đại phía nam sông Dương Tử qua cư dân Hoa Hạ ở lưu vực sông Hoàng Hà đã thâm nhập vào bán đảo Korea và từ đó trở thành loại hình kinh tế chủ yếu trong suốt trường kỳ lịch sử Korea.

Yếu tố thứ ba (loại hình kinh tế nông nghiệp lúa nước) là nguồn gốc của những đặc trưng âm tính trong tính cách người Hàn, còn hai yếu tố đầu là nguồn gốc của những đặc trưng dương tính. Tất cả tạo nên một hệ thống với bảy đặc trưng điển hình. Chất nông nghiệp lúa nước tạo nên (1) *Lối sống trọng tình* (jong = 정 = 情), (2) *Khả năng linh cảm cao* (nunch'i = 눈치) và (3) *Tính trọng thể diện* (ch'ae-myon = 체면 = 體面). Chất nông nghiệp lúa nước cùng với môi trường sống khắc nghiệt đã tạo nên (4) *Chủ nghĩa gia đình và tính tôn ti*. Cả hai cùng với chất du mục Siberia đã tạo nên (5) *Tính nuốt "hận"* (han = 한 = 恨), cùng (6) *Tính nước đôi vừa âm tính vừa dương tính*. Và cuối cùng, chất động Siberia và môi trường sống khắc nghiệt gặp một hoàn cảnh phù hợp đã nhanh chóng tạo nên một tính cách mới: (7) *Lối làm việc cần cù và khẩn trương*.

Mọi ưu điểm và nhược điểm khác trong tính cách Hàn đều chỉ là hệ quả của bảy đặc trưng này.

Hệ thống bảy đặc trưng tính cách Korea trong quan hệ với ba nguồn gốc của chúng có thể hình dung như sau:

Nguồn gốc VH Korea			ĐẶC TRƯNG TÍNH CÁCH KOREA
                    	Nghề nông nghiệp lúa nước	Môi trường sống khắc nghiệt	1. Lối sống trọng tình
			2. Khả năng linh cảm cao
			3. Tính trọng thể diện
			4. Chủ nghĩa gia đình và tính tôn ti
			5. Tính nuốt “hận”
			6. Tính nước đôi vừa âm tính vừa dương tính
Chất Siberia			7. Lối làm việc cần cù và khắt khe

Trong ba nguồn gốc của tính cách dân tộc Korea thì tuy chỉ có một nguồn gốc thứ ba (nghề nông nghiệp lúa nước) thiên về âm tính, song nó có ảnh hưởng rất mạnh, tác động đến sự hình thành sáu trên bảy đặc trưng tính cách Korea. Ắt hẳn vậy, cấu trúc của tính cách dân tộc Korea là có âm có dương khá hài hoà.

II. SO SÁNH NGUỒN GỐC TÍNH CÁCH HÀN VÀ TÍNH CÁCH VIỆT

Xét về ẮT GUỒ ẮT GỐC CỦA TÍNH CÁCH thì người Việt và người Hàn có hai điểm khác nhau và một điểm giống nhau.

Xét về môi trường sống như một nguồn gốc của tính cách thì hai dân tộc khác sống trong những môi trường hẳn nhau. Trong khi Korea sống trong *môi trường sống khắc nghiệt* với khí hậu ôn đới lạnh giá và địa hình núi đá, thì Việt Ắt am ở vào khu vực có *môi trường sống thuận tiện*, với khí hậu nhiệt đới nóng ẩm và địa hình sông nước, có đất đai trồng trọt nhiều và trồng được quanh năm.

Xét về nguồn gốc của dân tộc như một nguồn gốc khác của tính cách thì người Việt và người Hàn lại càng khác nhau. Trong khi tổ tiên người Hàn hiện đại là cư dân mang trong mình *chất động* của dân săn bắn và chăn nuôi Siberia thuộc ngữ hệ Altaï, thì tổ tiên người Việt lại mang nhiều *chất tĩnh* của cư dân thuộc ngữ hệ ả am Á, ngay từ đầu đã sống chủ yếu bằng hái lượm và sớm chuyển sang nông nghiệp, rồi nông nghiệp lúa nước.

Cuối cùng, xét về loại hình kinh tế chủ yếu thì cả hai dân tộc đều có chung một nguồn gốc là sống chủ yếu bằng *nghề nông nghiệp lúa nước*. Xét rộng ra về mặt văn hoá thì trong lịch sử, hai dân tộc còn có một điểm chung quan trọng là cùng nằm trong vùng ảnh hưởng trực tiếp của văn hoá Trung Hoa, nhưng điểm chung này xuất hiện muộn nhất nên hầu như không ảnh hưởng đến sự hình thành tính cách dân tộc.

Ấy vậy, so sánh về nguồn gốc của tính cách hai dân tộc ta thấy bức tranh như sau:

KOREA	VIỆT NAM
1. Môi trường sống khắc nghiệt với khí hậu lạnh giá và địa hình núi đá	1. Môi trường sống thuận tiện với khí hậu nóng ẩm và địa hình sông nước
2. Chất động của dân săn bắn và chăn nuôi Siberia – tổ tiên người Hàn hiện đại	2. Chất tĩnh của dân hái lượm và nông nghiệp ả am Á – tổ tiên người Việt hiện đại
3. Loại hình kinh tế chủ yếu là nghề nông nghiệp lúa nước	

Ở trên đã nói rằng trong ba nguồn gốc của tính cách dân tộc Hàn thì tuy chỉ có một nguồn gốc thứ ba (nghề nông nghiệp lúa nước) thiên về âm tính, song nó có ảnh hưởng rất mạnh, do vậy cấu trúc của tính cách dân tộc Korea là có âm có dương khá hài hoà. Trong khi đó thì cả ba nguồn gốc của tính cách dân tộc Việt ả am đều thiên về âm tính, do vậy, cấu trúc của tính cách dân tộc Việt ả am thiên hẳn về âm.

Sự đồng nhất và khác biệt về ba nguồn gốc nêu trên quy định sự đồng nhất và khác biệt về hệ thống các đặc trưng tính cách.

Do chỗ nguồn gốc thứ ba (nghề nông nghiệp lúa nước) là chung cho cả hai dân tộc nên dễ hiểu là ba đặc trưng tính cách đầu (*lối sống trọng tình, khả năng linh cảm cao, tính trọng thể diện*) của hai dân tộc là giống nhau (đương nhiên, sự giống nhau này chỉ là tương đối, trong cái giống nhau vẫn có sự khác biệt, song ở đây tạm thời chưa nói đến những sự khác biệt này).

Hệ thống tính cách của hai dân tộc Korea và Việt ả am có những nét tương đồng và dị biệt như sau:

KOREA	VIỆT NAM
1. Lối sống trọng tình	
2. Khả năng linh cảm cao	
3. Tính trọng thể diện	
4. Chủ nghĩa gia đình và tính tôn ti	4. Tính cộng đồng làng xã và tính dân chủ
5. Tính nuốt “hận”	5. Tính khoan dung
6. Tính nước đôi vừa âm tính vừa dương tính	6. Tính nước đôi vừa cộng đồng vừa tự trị
7. Lối làm việc cần cù và khẩn trương	7. Lối làm việc chùng mực

III. SO SÁNH TÍNH CÁCH HÀN VÀ TÍNH CÁCH VIỆT

3.1. *Chủ nghĩa gia đình và tính tôn ti với tính cộng đồng làng xã và tính dân chủ*

Gia đình là đơn vị tổ chức đặc trưng phổ biến ở mọi xã hội loài người. Tuy nhiên, ở mỗi loại hình văn hoá, mỗi nền văn hoá, vai trò của gia đình rất khác nhau. Trái ngược với xã hội phương Tây coi trọng vai trò của cá nhân, trong xã hội phương Đông nông nghiệp thì coi trọng gia đình. Riêng trong nền văn hoá Korea, gia đình không chỉ được coi trọng, mà hơn thế nữa, nó trở thành một nhân tố chi phối tổ chức xã hội, một thứ “chủ nghĩa” – chủ nghĩa gia đình. **Chủ nghĩa gia đình** (*familism*) là một đặc trưng văn hoá, một tính cách dân tộc với năm đặc điểm⁶:

⁶ Điều chỉnh trên cơ sở 5 đặc điểm của Choi Chae Seok, xem (Ko Yong Buk 2001: 27).

- 1) Gia đình, cùng với quốc gia, là những hình thái xã hội cơ bản, có vai trò quan trọng đặc biệt (từ *nhà* lên *nước*);
- 2) Cá nhân không thể độc lập tách rời khỏi gia đình;
- 3) Quan hệ giữa các thành viên gia đình được sắp xếp theo trật tự trên dưới rất rõ ràng, chặt chẽ, và nghiêm ngặt;
- 4) Gia đình có một truyền thống mà tất cả các thành viên gia đình qua các thế hệ đều quan tâm gìn giữ;
- 5) Cách tổ chức này không chỉ giới hạn trong phạm vi gia đình mà còn được nhân rộng ra toàn xã hội.

Đối chiếu với định nghĩa này thì Việt ả am có 3 đặc điểm sau mà thiếu đặc điểm đầu; văn hoá Việt ả am coi trọng làng hơn gia đình, do vậy mà có khái niệm “làng nước” (Trần ả gọc Thêm 2001: 200-201). Korea có cả 4 đặc điểm, văn hoá Trung Hoa và Korea coi trọng gia đình (nhà) hơn làng. Riêng đặc điểm số (3) thì thể hiện ở Korea là mạnh nhất, mạnh hơn cả Trung Hoa lẫn Việt ả am.

Bởi vậy mà ở Korea có thể nói đến chủ nghĩa gia đình là cái mà ở Việt ả am không có, còn ở Trung Hoa thì có nhưng không rõ nét bằng. Sở dĩ như vậy là vì nghề nông nghiệp lúa nước thì đòi hỏi tính cộng đồng cao ở một phạm vi rộng mới đủ sức chống hạn, chống lụt và làm cho kịp thời vụ, mà chất nông nghiệp lúa nước thì ở Việt ả am đậm nét hơn ở Bắc Trung Hoa và Korea. Trong khi đó thì địa hình núi đá ở Korea không tạo nên những cánh đồng lớn đòi hỏi tính cộng đồng cao, đồng thời nó buộc phải sống phân tán, không cho phép ở tập trung được theo ý mình, khiến cho vai trò của gia đình buộc phải lớn hơn làng xã. Đây chính là lý do tại sao Korea có chủ nghĩa gia đình, còn Việt ả am thì thay vào đó là tính cộng đồng làng xã.

Quan hệ chủ yếu trong gia đình là quan hệ tôn ti trên dưới theo thứ bậc và tuổi tác. Bởi vậy, một khi gia đình là đơn vị được coi trọng nhất trong xã hội Korea thì tính tôn ti gia đình mở rộng ra thành tính tôn ti xã hội. Ý thức coi trọng tôn ti của người Hàn mạnh đến mức họ rất thích xưng hô theo chức vụ, địa vị, kể cả những chức vụ rất thấp (*giáo sư Kim, giám đốc Lee, đội trưởng Park, tổ trưởng Han...*). Trong làng xã thì mọi người bình đẳng với nhau,

cho nên chỉ có thể nhờ vả nhau chứ không sai bảo nhau được như trong gia đình; đây là lý do tại sao ở Việt ả am tính dân chủ tình cảm mạnh hơn tính tôn ty.

Ưu điểm của chủ nghĩa gia đình cùng tính tôn ti là tạo nên một xã hội *gắn bó chặt chẽ* và *có trật tự*. Chủ nghĩa gia đình cùng tính tôn ti kết hợp với sự tuân thủ nghiêm ngặt ý thức hệ ả ho giáo là nguyên nhân của sự *tôn trọng phép tắc* lễ nghĩa thái quá trong xã hội Hàn. ả gười Hàn ý thức rằng chỉ có như thế thì *trật tự xã hội* mới được duy trì. Đây chính là nguyên tắc “chính danh” trong tổ chức xã hội mà Khổng Tử đã từng ca ngợi.

Trong tiến trình hiện đại hóa, chúng ta xuất phát từ nông thôn và hướng tới đô thị. Đô thị là một hình thái tổ chức xã hội hoàn toàn khác hẳn nông thôn, nơi đây vừa đông người và mọi người thì không thể biết hết nhau, cho nên yêu cầu số một trong vận hành tổ chức đô thị là trật tự xã hội thể hiện dưới dạng hệ thống luật pháp phải được tuyệt đối tuân thủ. Mà yêu cầu này thì rõ ràng là người Hàn với chủ nghĩa gia đình và tính tôn ty có khả năng đáp ứng tốt hơn nhiều so với người Việt với tính cộng đồng làng xã và tính dân chủ tình cảm. ả hờ chủ nghĩa gia đình mà những tập đoàn tư bản Hàn Quốc (chaebol) có được sự tổ chức chặt chẽ. ả hờ tính tôn ty mà lịch sử Korea không có tính tuân thủ trên - dưới một cách tuyệt đối, khác với các nước khác trong khu vực.

Do sự khác biệt tính cách này mà những công trình xây dựng của Hàn Quốc có chất lượng rất bảo đảm, trong khi ở những công trình xây dựng của Việt ả am thì bị “rút ruột” dẫn đến chất lượng công trình bị ảnh hưởng nghiêm trọng, có khi chưa nghiệm thi mà đã hỏng.

3.2. Tính nuốt “hận” với Tính khoan dung

Môi trường sống khắc nghiệt ở Korea đã tạo nên những khó khăn và nỗi khổ chồng chất. Chất nông nghiệp lúa nước thì khiến cho người Hàn chấp nhận và cam chịu những nỗi khổ ấy như là số phận. Còn chất Siberia mạnh mẽ chảy âm ỉ trong huyết quản thì lại không cho phép bỏ qua. Thành ra những nỗi niềm mà không thể thổ lộ với người khác, không muốn cho người khác biết... đã chồng chất trong lòng và trở thành ‘hận’ (*han* = 恨 = 恨). Hận là một nét

đặc trưng tình cảm rất đặc thù của dân tộc Hàn. Với tính hướng nội, đặc điểm phổ biến của văn hoá Hàn là tình trạng *ôm hận, nuốt hận vào trong*. Do nuốt hận, cho nên người Hàn rất khó có thể tha thứ được cho người ả hật những gì mà họ đã gây ra cho người Hàn trong cuộc chiến tranh ả hật Thìn thời kỳ 1592-1597 và trong 35 năm đô hộ 1910-1945.

Trong khi đó thì do có chất nông nghiệp lúa nước mạnh hơn Korea, nên người Việt rất dễ chấp nhận cái khác mình, “chín bỏ làm mười”, tạo nên *tính khoan dung*. Trong lịch sử chống xâm lăng, người Việt thường không chống đến cùng mà mỗi khi đã nắm giành được thế thắng thì lại hay chủ động cầu hoà để mở đường cho giặc rút lui trong danh dự. Sau chiến tranh thì dù là Trung Hoa hay ả hật, Pháp, Mỹ thì cũng đều khá dễ dàng gác lại quá khứ để nhìn về tương lai.

Tính nuốt hận có ưu điểm là tạo cho người Hàn một sức *chịu đựng* phi thường, giúp họ có *ý chí và nghị lực* để vượt qua những khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua nổi. Trong tiến trình công nghiệp hóa và đô thị hoá, do mang hận nên người Hàn luôn có ý thức không muốn chịu thua người ả hật trong bất kỳ lĩnh vực nào. Trong tổ chức xã hội, họ luôn đấu tranh không khoan nhượng với chủ nghĩa độc tài, với những hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội trong sinh hoạt đô thị và quản lý đô thị. ả hời vậy, chỉ trong vòng mấy chục năm, người Hàn đã xây dựng được không chỉ những đô thị ngang tầm thế giới mà quan trọng hơn là còn xây dựng được một nếp sống đô thị kỷ cương, ngăn nắp, gọn gàng, lịch sự.

Trong khi đó thì người Việt, do tính khoan dung cho nên luôn dễ bỏ qua và không chống đến cùng, dẫn đến tình trạng “chung sống” với những hiện tượng tiêu cực trong sinh hoạt và quản lý đô thị như không chấp hành luật lệ giao thông, vứt rác và đi tiểu tiện bừa bãi, quản lý đô thị tùy tiện, thiếu kế hoạch...

3.3. Tính nước đôi của người Korea và người Việt

Đến Korea, người quan sát nước ngoài thường rất ngạc nhiên và có ấn tượng mạnh khi nhận thấy ở người Hàn một tính cách nước đôi đầy mâu thuẫn với những biểu hiện tương phản rõ rệt:

hiền lành và mạnh mẽ, cộng đồng và cá nhân, bè phái và thống nhất, nhường nhịn và cạnh tranh, hoang phí và tần tiện, điềm tĩnh và nóng nảy, tĩnh lặng và năng động, lười nhác và cần cù, lè mề và khản trương...

Ấu gười Việt cũng là một tộc người có tính cách nước đôi (Trần ẩ gọc Thêm 2001: 197, 278): vừa có tính thần đoàn kết tương trợ lại vừa có óc tư hữu, ích kỷ; vừa có tính tập thể hòa đồng lại vừa có óc bè phái, địa phương; vừa có nếp sống dân chủ bình đẳng lại vừa có óc gia trưởng tôn ty; vừa có tính thần tự lập lại vừa có sự thủ tiêu vai trò cá nhân; vừa có tính cần cù và nếp sống tự cấp tự túc lại vừa có thói dựa dẫm, ỷ lại; vừa rụt rè lại vừa thích giao tiếp...

Mới nhìn tưởng như tính nước đôi ở người Hàn và người Việt là giống nhau, nhưng thực ra là chúng khác nhau hoàn toàn. Tính nước đôi của người Hàn là tính nước đôi vừa âm tính vừa dương tính, còn trong tính nước đôi của người Việt thì chất dương tính rất yếu, nó vẫn nằm trọn trong khuynh hướng thiên về âm tính.

Về nguồn gốc, tất cả những biểu hiện của tính nước đôi ở người Việt đều bắt nguồn từ hai đặc trưng gốc trái ngược nhau là tính cộng đồng và tính tự trị của làng xã. Tùy lúc tùy nơi mà mặt này hoặc mặt kia sẽ được phát huy: Khi đứng trước những khó khăn lớn, những nguy cơ đe dọa sự sống còn của cả cộng đồng thì cái nổi lên sẽ là tính đoàn kết và tính tập thể; nhưng khi nguy cơ ấy qua rồi thì có thể là thói tư hữu và óc bè phái, địa phương lại nổi lên (Trần ẩ gọc Thêm 2001: 198). Trong giao tiếp, khi thấy mình đang đứng trong cộng đồng quen thuộc thì tính thích giao tiếp nổi lên, còn khi vượt ra khỏi cộng đồng, đứng trước người lạ, thì tính rụt rè sẽ lấn át (Trần ẩ gọc Thêm 2001: 278-79). Tính nước đôi của người Việt thường phát huy tác dụng tốt trong những hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, một mất một còn (điền hình là trong chiến tranh), còn trong xây dựng hoà bình, trong tiến trình công nghiệp hóa và đô thị hoá thì đáng tiếc là thường mặt trái của tính nước đôi này lại nổi trội.

Ấu nguồn gốc tính nước đôi ở người Hàn phong phú và phức tạp hơn rất nhiều. Các nhà nghiên cứu từng đề cập đến bốn nguyên nhân là vị trí bán đảo, địa hình núi và đồng bằng, khí hậu hai mùa mưa và khô, lịch sử bị xâm lược và bị đè nén. Theo chúng tôi, còn

có một nguyên nhân thứ năm, nhưng đây mới là nguyên nhân quan trọng nhất, nguyên nhân chủ yếu. Đó là *mâu thuẫn* giữa một bên là *chất du mục Siberia* và *địa hình núi đá* với bên kia là *nền kinh tế nông nghiệp lúa nước*. Kinh tế nông nghiệp lúa nước tạo nên một tính cách *thiên về âm tính*, trong khi đó thì chất du mục Siberia và địa hình núi đá lại tạo nên một tính cách *thiên về dương tính*. Chính mâu thuẫn này là cội nguồn của tính nước đôi vừa âm tính vừa dương tính trong tính cách của người Hàn, khác hẳn với tính nước đôi của người Việt là tính nước đôi mà các biểu hiện của nó đều vẫn nằm trọn vẹn trong khuynh hướng thiên về âm tính.

Ảnh hưởng biểu hiện của tính nước đôi rất nhiều, ở đây chỉ nói đến một vài biểu hiện tiêu biểu có ảnh hưởng đến tiến trình phát triển đô thị.

Trước hết là cặp “*nhường nhịn và cạnh tranh*”. Người nông nghiệp do tính cách hiền lành, điềm tĩnh, lối sống trọng tình nên trong quan hệ thì đặc tính phổ biến là *ưa nhường nhịn*. Người Việt quan niệm “một sự nhịn là chín sự lành”, có chuyện gì thì cố gắng bỏ qua cho nhau “chín bỏ làm mười”, nếu không bỏ qua được thì cũng “đóng cửa bảo nhau”: chuyện to làm thành nhỏ, chuyện nhỏ thành không có gì. Lối ứng xử này phổ biến cả trong quan hệ giữa những người ngang hàng lẫn trong quan hệ trên-dưới. Trong văn hoá Korea, sự nhường nhịn chỉ phổ biến trong quan hệ trên-dưới, mà chủ yếu là người dưới nhường người trên. Trong quan hệ ngang bằng thì phổ biến là sự cạnh tranh – điều mà trong văn hoá Việt ả am hầu như không có. Richard Rut (1965) giải thích nguyên nhân của tính cạnh tranh cao này là vì người Hàn chịu ảnh hưởng nhiều của tư tưởng ả ho giáo với tham vọng làm quan và định hướng địa vị cao (Kim Jae Un 1991: 165). Người Việt cũng chịu ảnh hưởng của tư tưởng ả ho giáo, nhưng so với Korea thì vai trò của ả ho giáo ở Việt ả am yếu hơn nhiều, trong khi tính nông nghiệp lúa nước ở Việt ả am lại mạnh hơn. Do vậy mà ở *Việt Nam tính nhường nhịn mạnh hơn tính cạnh tranh*, còn ở *Korea thì tính cạnh tranh mạnh hơn tính nhường nhịn*. Đây là một đặc điểm văn hoá rất quan trọng, giúp cho Hàn Quốc mau chóng trở thành một quốc gia đô thị và công nghiệp.

Tuy nhiên, dẫu sao thì trước thời kỳ công nghiệp hoá và đô thị hoá, trong xã hội Hàn Quốc sự cạnh tranh hãy còn chưa mạnh, phổ biến vẫn là sự hoà thuận và giúp đỡ lẫn nhau, nhưng từ sau khi bước vào công nghiệp hóa và đô thị hoá, người Hàn đã dần dần thay đổi, xuất hiện sự so sánh và cạnh tranh mạnh mẽ với nhau. Ắt hẳn Chính phủ Hàn Quốc cũng coi việc “tăng cường khả năng cạnh tranh” trên thế giới là một trong những mục tiêu để phát triển vì đất nước Hàn Quốc vừa nhỏ hẹp, vừa thiếu tài nguyên thiên nhiên, nhưng dân số lại nhiều, vì vậy, tiềm lực con người là quý báu.

Kết quả là ở Hàn Quốc, cuộc cạnh tranh chạy theo điểm số thành tích và bằng danh dự, công việc và sự thăng tiến, nền tảng kinh doanh và thể lực chính trị, v.v. trở thành cuộc cạnh tranh suốt đời và là một chủ đề nổi bật ở các đô thị hiện đại Hàn Quốc. Phần thưởng cho sự cạnh tranh là kinh tế tốt, nhà ở tốt, nghề nghiệp tốt, hôn nhân tốt. Thái độ cạnh tranh phổ biến đó đã mang đến những thay đổi giạt mình trong tính cách bên ngoài của người Hàn. Họ trở thành nổi tiếng như một trong những dân tộc có tinh thần làm việc chăm chỉ và hiệu quả nhất trên thế giới.

Từ lười nhác đến cần cù, từ lè mề đến khấn trương - đó cũng là những cặp biểu hiện của tính nước đôi vừa âm tính vừa dương tính.

3.4. Lối làm việc cần cù và khấn trương với Lối làm việc chững mực

Trong các nền văn hoá nông nghiệp, người nông dân rất cần cù khi vào vụ, nhưng lại tỏ ra lười nhác lúc nông nhàn. Ắt hẳn người Hàn hay người Việt ắ am cũng đều không ra khỏi quy luật này.

Ắt hẳn người Hàn nay thì đã khác hẳn. Trải qua quá trình công nghiệp hóa, từ nông dân trở thành công nhân, người Hàn không còn chậm rãi, ung dung, và nhàn nhã như người Việt. Ắt hẳn người quan sát nước ngoài thường mô tả những công nhân Hàn là những con người cần cù, tự nguyện cống hiến, trung thành và đáng tin cậy.

Tinh thần lao động cần cù, chăm chỉ của người công nhân Hàn vào bậc nhất thế giới. Từ khi tiến hành công nghiệp hóa, dần thân vào nền kinh tế tốc độ, người Hàn lúc nào cũng cảm thấy thiếu thời gian, cho nên thường có tác phong làm việc rất *khấn trương*. Dù

làm việc gì, họ lúc nào cũng *gấp gấp, nhanh nhanh* (“ppali ppali” 빨리 빨리). Ở Hàn Quốc, đập vào mắt là hình ảnh người Hàn luôn vội vã, tất bật. Cuối cùng, họ cũng đã giải phóng được khỏi sự trì trệ hàng bao thế kỷ, dường như giờ đây họ đang vội vã để bù lại cho thời gian đã mất.

Trong những năm qua, họ làm việc 10 giờ trong một ngày và 6 ngày trong một tuần ở những toà nhà kín trong thành phố và những khu công nghiệp trải dài ở ngoại ô. Trung bình một người Hàn Quốc làm việc tổng cộng 2.833 giờ trong một năm, nhiều hơn gần 1,3 lần so với người ả hật và gần 1,5 lần so với người Mỹ, trong khi số ngày nghỉ của họ lại thấp nhất – chỉ bằng một nửa số ngày nghỉ của người ả hật và bằng 1/4 số ngày nghỉ của người Mỹ.

**Số giờ làm việc và ngày nghỉ trong năm
của công nhân một số nước vào những năm 80**

Tên nước	Số giờ làm việc trung bình/ năm	Số ngày nghỉ trong năm
Hàn Quốc	2.833	4,5
ả hật	2.180	9,6
Anh	1.941	22,5
Mỹ	1.934	19,5

(ả nguồn: *Japanese Ministry of Labour* 1986,
dẫn theo Kim Jae Un 1991: 144).

Hiện nay Hàn Quốc đang chuyển sang chế độ làm việc 5 ngày (với 40 giờ) trong một tuần (5일제근무 시행) theo *Luật Lao động* ban hành ngày 29 tháng 8 năm 2003. Tuy nhiên, người Hàn Quốc không vội vàng trong việc chuyển đổi theo luật này. Họ chủ trương thực hiện một cách từ từ, tiến hành làm nhiều bước, kéo dài trong suốt bốn năm, từ năm 2004 đến năm 2007.

Sở dĩ người Hàn cần mẫn và khấn trương như vậy vì họ coi công việc là trung tâm, còn mọi thứ khác chỉ là thứ yếu. ả gười Hàn tính lương không theo thời gian làm việc mà là tính theo khối lượng công việc đã hoàn thành. Công việc đối với người Hàn là cái gì đó không bao giờ ngừng nghỉ.

ả gười Việt thì có triết lý vừa phải, “lắm thóc nhọc xay”, “cầu sung vừa đủ xài” lại vừa không có thói quen coi trọng thời gian, coi

thời giờ là “cao su” (Trần ả gọc Thêm 2001: 287), bởi vậy mà không có trỉ chí làm giàu. Chỉ khi thấy mình thua kém người xung quanh quá nhiều thì mới cố gắng, nhưng ngay khi thấy mình đã như mọi người rồi thì lại làm việc cầm chừng. Tác phong làm việc này hoàn toàn không thích hợp với nếp sống đô thị.

Trở lên chỉ mới là một vài nét phác thảo trong cố gắng so sánh tính cách của người Hàn và người Việt; trên cơ sở đó để lý giải những thành công của người Hàn và những hạn chế của người Việt trong tiến trình đô thị hoá và hiện đại hóa. Ở đây chưa bàn đến những mặt hạn chế trong tính cách người Hàn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần ả gọc Thêm 2001: *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*. – ả XB Tp. Hồ Chí Minh.
2. Kim Jae-un 1992: *The Koreans: Their Mind and Behavior* (translated by Kim Kyong-dong). – Seoul, Kyobo Book Centre.
3. Choi Choe-sok 1976: 최채석. 한국인의 사회적 성격. 현음사. (*Tính cách xã hội của người Hàn*).
4. Yun Tae-rim 1964: 윤태림. 한국인의 성격. (*Tính cách người Hàn*).
5. Ko Yong-bok 2001: 고영복. 한국인의 성격 - 그 변혁을 위한 과제. 사회문화소. (*Tính cách người Hàn: bàn về sự cải cách*).
6. Park Yong-sun 2002: 박영순. 한국문화론. 한국문화사. (*Luận văn hoá Hàn Quốc*).